

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THÔNG MINH TOÀN CẦU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THÔNG MINH TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLOBAL SMART INVESTMENT GROUP CORPORATION

Tên công ty viết tắt: GSI GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0109719970

3. Ngày thành lập: 27/07/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà A5, ngõ 699 Lạc Long Quân, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0588288888

Fax:

Email: info@gsigroup.vn

Website: www.gsigroup.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thực phẩm Kinh doanh, sản xuất thực phẩm chức năng	4632(Chính)
2.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình. Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình	7110
3.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
4.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
5.	Khai thác và thu gom than non	0520
6.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
8.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011

9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
11.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
12.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
13.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
14.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
15.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
16.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
17.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
18.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
19.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
20.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
21.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
22.	Sản xuất đường	1072
23.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
24.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
25.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
26.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
27.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
28.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
29.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
30.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
31.	Thu gom rác thải độc hại	3812
32.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
33.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
34.	Tái chế phế liệu	3830
35.	Xây dựng nhà để ở	4101
36.	Xây dựng nhà không để ở	4102
37.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
38.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
39.	Xây dựng công trình điện	4221
40.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
41.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
42.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
43.	Xây dựng công trình thủy	4291
44.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
45.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
46.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

47.	Phá dỡ	4311
48.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
50.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
51.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
52.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
53.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
54.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ động vật nhà nước cấm)	4620
55.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
56.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
57.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ đầu giá)	4719
58.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
59.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
60.	Trồng lúa	0111
61.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
62.	Trồng cây hàng năm khác	0119
63.	Trồng cây ăn quả	0121
64.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
65.	Trồng cây điều	0123
66.	Trồng cây hồ tiêu	0124
67.	Trồng cây cao su	0125
68.	Trồng cây cà phê	0126
69.	Trồng cây chè	0127
70.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
71.	Trồng cây lâu năm khác	0129
72.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
73.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
74.	Chăn nuôi gia cầm	0146
75.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
76.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
77.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
78.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
79.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
80.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
81.	Khai thác gỗ	0220

82.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
83.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
84.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
85.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
86.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
88.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
89.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
90.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
91.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
92.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
93.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
94.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản	6820
95.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)	7020
96.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
97.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
98.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
99.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ tư vấn chứng khoán, thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	7490
100.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Trừ trung tâm dịch vụ việc làm)	7830

6. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ HỮU SƠN	Xóm 2, thôn Hội Xá, Xã Hương Sơn, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.900.0 00	39.000.000.000	39,000	C9328779	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.900.0 00	39.000.000.000	39,000		
2	VŨ VIỆT THẮNG	Số 73, tổ 4 Trung Liệt, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000.0 00	30.000.000.000	30,000	0340830121 03	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.000.0 00	30.000.000.000	30,000		

3	ĐẶNG KIM HOÀNG	Nhà số 9, ngõ 35 ngách 64 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.100.0 00	31.000.000.000	31,000	0330830080 93
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	3.100.0 00	31.000.000.000	31,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ VIỆT THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 25/10/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034083012103

Ngày cấp: 26/04/2021

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 73, tổ 4 Trung Liệt, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 73, tổ 4 Trung Liệt, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội